

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 103/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 06 tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về kế hoạch đầu tư công năm 2025**  
**nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 28**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 160/2024/QH15 ngày 13/11/2024 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét Báo cáo số 296/BC-UBND ngày 20/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024 và kế hoạch đầu tư công năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương với các nội dung chủ yếu sau:

Tổng vốn cân đối ngân sách địa phương kế hoạch năm 2025: 1.854.470 triệu đồng, bao gồm:

- |   |                      |
|---|----------------------|
| - Nguồn vốn đầu tư cân đối theo tiêu chí:       | 439.570 triệu đồng   |
| - Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất:    | 1.200.000 triệu đồng |
| - Nguồn thu từ xổ số kiến thiết:                | 58.000 triệu đồng    |
| - Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: | 156.900 triệu đồng   |

Chi tiết các công trình, dự án tại các biểu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 kèm theo.



## **Điều 2. Nhiệm vụ và giải pháp**

1. Tập trung bố trí vốn kế hoạch năm 2025 cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư, đủ điều kiện giải ngân; ưu tiên bố trí vốn cho những dự án cấp bách, quan trọng, mang tính kết nối, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững. Khẩn trương phân bổ và giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 ngay khi được Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh giao kế hoạch, bảo đảm theo đúng các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí vốn quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá chặt chẽ việc triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2025; khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh; thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Duy trì hoạt động của các tổ công tác, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

3. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và chịu trách nhiệm toàn diện trước Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức thực hiện và kết quả giải ngân của đơn vị, địa phương mình. Hàng tháng, các chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân dưới mức trung bình của tỉnh phải tổ chức đánh giá tình hình, xác định nguyên nhân khách quan, chủ quan, trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức có liên quan và người đứng đầu, rút ra bài học kinh nghiệm để triển khai kế hoạch được tốt hơn.

4. Xác định công tác chuẩn bị đầu tư dự án có vai trò tiên quyết, nâng cao tính sẵn sàng và tính khả thi, khả năng triển khai thực hiện dự án, hạn chế tình trạng “vốn chờ dự án đủ thủ tục”. Tập trung làm tốt, nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch, chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án, đấu thầu, lựa chọn nhà thầu. Quá trình chuẩn bị đầu tư dự án phải dự báo hết những rủi ro, khó khăn có thể phát sinh, đặc biệt là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất; khảo sát, điều tra trữ lượng, chất lượng, khả năng cung ứng, đường vận chuyển, thủ tục khai thác các mỏ vật liệu, bãi đổ thải, nguồn đất đắp...

5. Tập trung chỉ đạo, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn các chủ đầu tư, các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn của các công trình, dự án. Rà soát tình hình thực hiện từng dự án; phân nhóm các dự án gặp khó khăn vướng mắc về thủ tục đầu tư xây dựng, đấu thầu, nhóm các dự án vướng mắc về thủ tục đất đai, giải phóng mặt bằng, nhóm các dự án vướng mắc về kế hoạch vốn và thủ tục giải ngân để xử lý hoặc giải quyết theo thẩm quyền. Chủ động, linh hoạt trong rà soát, đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 đối với các dự án giải ngân kém, giải ngân không đúng tiến độ sang các dự án có khả năng giải ngân nhanh, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện.



6. Xây dựng kế hoạch giải ngân theo từng tháng, quý cho từng nhiệm vụ, dự án; Phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện, tăng cường tần suất kiểm tra, giám sát, đánh giá cụ thể kết quả thực hiện công việc trong từng tuần, bám sát tiến độ thực hiện dự án, xử lý ngay các tồn tại, bất cập, giải quyết các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện để giải ngân kế hoạch vốn được giao. Thực hiện các thủ tục nghiệm thu, thanh toán vốn đầu tư ngay khi có khối lượng, không để dồn vốn thanh toán vào cuối năm.

7. Tập trung đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng, ưu tiên bố trí đủ kinh phí để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích có đủ điều kiện. Kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn; hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo hướng chủ động, linh hoạt; làm gọn từng phần, kiểm đếm đến đâu, thẩm định, phê duyệt, chi trả tới đó; có mặt bằng sạch tới đâu thì triển khai thi công đến đó. Chủ động nghiên cứu, vận dụng linh hoạt các chế độ, chính sách trong công tác giải phóng mặt bằng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến các quy định của pháp luật đối với các dự án nhà nước thực hiện thu hồi đất; tăng cường công tác quản lý đất đai, xử lý nghiêm đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vi phạm; thực hiện công khai, minh bạch thông tin trong công tác quy hoạch, bồi thường, giải phóng mặt bằng.

8. Triển khai đồng bộ công tác quản lý vật liệu xây dựng từ giai đoạn thăm dò khai thác đến giai đoạn quy hoạch vật liệu xây dựng, cũng như quá trình khai thác và đưa vào sử dụng trên công trường. Công bố kịp thời các định mức, đơn giá, chỉ số giá xây dựng phù hợp, đầy đủ chủng loại, đặc biệt là các vật tư, vật liệu có biến động giá. Thực hiện các biện pháp kiểm soát giá và chất lượng nguyên vật liệu đảm bảo nhanh, hiệu quả, đúng quy định pháp luật. Kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ các khó khăn về vật liệu xây dựng để đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân kế hoạch vốn của các công trình, dự án.

9. Tiếp tục triển khai các hạng mục công trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được phê duyệt, trong đó tập trung hoàn thành các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Tăng cường lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án và từ các chương trình mục tiêu quốc gia. Đẩy mạnh đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, công tác dân tộc; ưu tiên bố trí đủ người có tâm huyết, đủ năng lực cho bộ máy tham mưu thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

10. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xử lý thủ tục về đầu tư công; đơn giản hóa các quy trình, thủ tục liên quan đến công tác đầu tư công. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về đầu tư công theo quy định; chú trọng nâng cao chất lượng thông tin báo cáo, phải đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện, những tồn tại, hạn chế và kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền



để chỉ đạo, định hướng giải quyết ngay từ đầu, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua././

#### **Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, Tài chính;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP, TX;
- Lưu VT, P.CTHĐND (L).

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đăng Quang**





Biểu số 1

**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI KẾ HOẠCH 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch 2025 (TW thông báo)	Kế hoạch 2025	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.541.470</b>	<b>1.854.470</b>	
<b>A</b>	<b>ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ</b>	<b>439.570</b>	<b>439.570</b>	
<b>1</b>	<b>Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định (Giáo dục - đào tạo và Khoa học - công nghệ)</b>		<b>76.500</b>	Chi tiết tại biểu số 2
-	Giáo dục - đào tạo		65.500	
-	Khoa học công nghệ		11.000	
<b>2</b>	<b>Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD-ĐT và KHCN)</b>		<b>68.700</b>	
-	Ưu đãi đầu tư		5.000	Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện
-	Đối ứng cho các dự án ODA thuộc trách nhiệm địa phương		63.700	Chi tiết tại biểu số 3
<b>4</b>	<b>Cân đối theo tiêu chí (phân cấp quản lý)</b>		<b>294.370</b>	
-	Cấp tỉnh quản lý		217.058	Chi tiết tại biểu số 4
-	Cấp huyện quản lý		77.312	Chi tiết tại biểu số 5
<b>B</b>	<b>ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>	<b>900.000</b>	<b>1.200.000</b>	
<b>1</b>	<b>Cấp tỉnh quản lý</b>		<b>808.000</b>	
-	Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở		500.000	Chi tiết tại biểu số 6
-	Nguồn thu từ đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng		245.000	Chi tiết tại biểu số 6
-	Nguồn thu đấu giá đất ở tại Khu kinh tế TMĐB Lao Bảo		63.000	Chi tiết tại biểu số 6
<b>2</b>	<b>Cấp huyện quản lý</b>		<b>392.000</b>	Chi tiết tại biểu số 5
<b>C</b>	<b>XỔ SỐ KIẾN THIẾT</b>	<b>45.000</b>	<b>58.000</b>	Chi tiết tại biểu số 7
<b>D</b>	<b>ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>156.900</b>	<b>156.900</b>	Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện

2





Biểu số 2

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2025

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHO LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số	Trong đó: NSĐP				
<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>228.257</b>	<b>195.078</b>	<b>193.699</b>	<b>106.689</b>	<b>76.500</b>	
<b>I</b>	<b>GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO</b>					<b>205.496</b>	<b>174.446</b>	<b>173.067</b>	<b>97.968</b>	<b>65.500</b>	
<b>1</b>	<b>Cấp tỉnh</b>					<b>125.696</b>	<b>122.896</b>	<b>122.896</b>	<b>77.344</b>	<b>35.953</b>	
*	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>										
-	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	Toàn tỉnh	8 NĐN, 24 PTH, 3 NHB, 16 phòng TEKT, 1 TV	22-25	3835, 3836, 3837/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	104.896	104.896	104.896	68.096	27.202	+ XSKT
-	Trường PTDT bán trú Tiểu học Vĩnh Hà; Hạng mục: Nhà 2 tầng, 6 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	6 phòng học	23-25	4058/QĐ-UBND 22/11/2022 của huyện VL	5.500	5.000	5.000	2.000	3.000	
-	Trường PTDT BT TH&THCS Hướng Lập, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Hướng Hóa	990m2	23-25	4218/QĐ-UBND 15/11/2022 của huyện HH	6.000	5.000	5.000	2.000	3.000	
-	Trường PTDT BT TH&THCS Ba Tầng, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Hướng Hóa	930m	23-25	4217/QĐ-UBND 15/11/2022 của huyện HH	6.000	5.000	5.000	3.113	1.887	
-	Trường PTDTBT THCS Tà Long, hạng mục: Nhà hiệu bộ	Đakrông	540m2	23-25	2883/QĐ-UBND 22/11/2022 của huyện Đakrông	3.300	3.000	3.000	2.136	864	
<b>2</b>	<b>Cấp huyện</b>					<b>79.800</b>	<b>51.550</b>	<b>50.171</b>	<b>20.624</b>	<b>29.547</b>	
<b>2.1</b>	<b>Huyện Hướng Hóa</b>					<b>11.950</b>	<b>7.600</b>	<b>7.600</b>	<b>0</b>	<b>7.600</b>	
*	<i>Dự án khởi công mới năm 2025</i>										
-	Trường THCS Lao Bảo, hạng mục: Nhà hiệu bộ	Hướng Hóa	345m2	23-25	4223/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của huyện HH	2.500	2.000	2.000		2.000	







STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
-	Trường TH& THCS Lê Thế Hiếu, huyện Cam Lộ; Hạng mục: Nhà đa năng	Cam Lộ	450m2	23-25	2365/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 2131/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của huyện CL	1.800	900	900	900		
<b>2.4</b>	<b>Huyện Hải Lăng</b>					<b>8.600</b>	<b>7.800</b>	<b>7.800</b>	<b>3.724</b>	<b>4.076</b>	
*	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>										
-	Trường TH&THCS Hải Phú, Hạng mục: Phòng chức năng và nhà đa năng	Hải Lăng	400m2	23-25	693/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của huyện HL	4.900	4.400	4.400	2.124	2.276	
-	Trường TH&THCS Hải Chánh, Hạng mục: Phòng học, phòng chức năng và đa năng	Hải Lăng	330m2	23-25	693/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của huyện HL	2.400	2.200	2.200	800	1.400	
-	Trường TH&THCS Hải Xuân, Hạng mục: Nhà đa năng	Hải Lăng	489,6m2	23-25	726/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của huyện HL	1.300	1.200	1.200	800	400	
<b>2.5</b>	<b>Huyện Triệu Phong</b>					<b>7.500</b>	<b>6.200</b>	<b>6.200</b>	<b>2.300</b>	<b>3.900</b>	
*	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>										
-	Trường mầm non Triệu Long, hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	Triệu Phong	6 phòng học	23-25	3140/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	4.500	3.800	3.800	1.500	2.300	
-	Trường TH&THCS Triệu Đại, hạng mục: Nhà 2 phòng học	Triệu Phong	2 phòng học	23-25	3143/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện TP	1.500	1.200	1.200	800	400	
*	<i>Dự án khởi công mới năm 2025</i>										
-	Trường TH&THCS Triệu Tài, hạng mục: nhà 2 phòng học	Triệu Phong	2 phòng học	23-25	3144/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện TP	1.500	1.200	1.200		1.200	
<b>2.6</b>	<b>Huyện Vĩnh Linh</b>					<b>11.700</b>	<b>10.400</b>	<b>10.400</b>	<b>6.000</b>	<b>4.400</b>	
*	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>										
-	Trường THCS Lê Quý Đôn, huyện Vĩnh Linh; hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học bộ môn	Vĩnh Linh	6 phòng	23-25	4073/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của huyện VL	4.000	3.500	3.500	3.400	100	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số	Trong đó: NSDP				
-	Trường Tiểu học xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh; hạng mục: xây dựng nhà 3 phòng học	Vĩnh Linh	4 phòng học	23-25	4075/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của huyện VL	1.900	1.600	1.600	700	900	
-	Trường THCS Nguyễn Trãi, huyện Vĩnh Linh; hạng mục: Nhà 2 tầng 8 phòng học bộ môn	Vĩnh Linh	10 phòng học	23-25	4072/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của huyện VL	5.800	5.300	5.300	1.900	3.400	
<b>2.7</b>	<b>Huyện Gio Linh</b>					<b>8.050</b>	<b>4.850</b>	<b>4.850</b>	<b>0</b>	<b>4.850</b>	
*	<i>Dự án khởi công mới năm 2025</i>										
-	Trường TH&THCS Trung Sơn, Hạng mục: Nhà học bộ môn	Gio Linh	2 tầng, 841m <sup>2</sup>	23-25	4636/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện GL	3.000	2.600	2.600		2.600	
-	Trường Mầm non Gio An - Cụm trung tâm; Hạng mục: Xây mới nhà 01 tầng	Gio Linh			45/NQ-HĐND ngày 29/11/2024 của HĐND huyện GL	3.950	1.250	1.250		1.250	
-	Trường TH&THCS Phong Bình; Hạng mục: Nhà bán trú	Gio Linh	1 tầng, 170m <sup>2</sup>	23-25	4634/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện GL	1.100	1.000	1.000		1.000	
<b>2.8</b>	<b>TP Đông Hà</b>					<b>15.000</b>	<b>4.200</b>	<b>2.821</b>	<b>1.000</b>	<b>1.821</b>	
*	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>										
-	Nhà đa năng và nhà học bộ môn Trường Tiểu học Hùng Vương,	Đông Hà	1.349m <sup>2</sup>	23-25	3442/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Tp Đông Hà	11.000	2.000	2.000	1.000	1.000	
-	Xây mới Nhà hiệu bộ Trường Mầm non Đông Giang	Đông Hà	361,8m <sup>2</sup>	23-25	206/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 của TP Đông Hà	4.000	2.200	821		821	
<b>II</b>	<b>KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ</b>					<b>22.761</b>	<b>20.632</b>	<b>20.632</b>	<b>8.720</b>	<b>11.000</b>	
*	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>										
-	Đầu tư thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học (giai đoạn 2)	Toàn tỉnh	Thiết bị	23-25	3199/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	22.761	20.632	20.632	8.720	11.000	



**Biểu số 3**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2025**  
**NGUỒN VỐN ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA THUỘC TRÁCH NHIỆM NGÂN SÁCH TẬP TRUNG**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
	<b>TỔNG SỐ</b>											
*	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>											
-	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	TP,HL,G L,VL CL, ĐK, HH	03 hợp phần	2018- 2025	1134/QĐ-UBND ngày 25/05/2018 1913/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 2579/QĐ-UBND gày 06/11/2023	998.151	119.600	118.065	87.391	30.000	X	
*	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</i>											
-	Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	VL, GL, TP, HL	PH&PT rừng ven biển (7.917 ha), tạo lợi ích bền vững từ RVB	2019- 2026	1486/QĐ-UBND ngày 18/6/2019, 1249/QĐ-TTg ngày 26/10/2023	248.443	72.982	45.825	37.444	500	X	
-	Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà	Đông Hà	xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị	2024- 2027	2469/QĐ-UBND ngày 27/10/2023; 2630/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	1.152.920	192.230	22.210	11.000	7.000		+SDĐ
*	<i>Dự án khởi công mới năm 2025</i>											

*B*



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó: NSDP
-	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội và phục hồi chức năng dành cho người khuyết tật tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	Thành lập TTBTXH VÀ PHCN dành cho người khuyết tật; Tiếp nhận 03 xe ô tô chuyên dụng; Đào tạo tập huấn	2022-2025	16/NQ-HĐND ngày 28/3/2023	293.311	15.510	15.510	0	5.000		
-	Nâng cao năng lực thu gom, xử lý chất thải rắn bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị	Vĩnh Linh, Gio Linh	06 hạng mục	2024-2026	74/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	45.000	8.246	5.056	0	2.500		
-	Cấp nước sạch và Quản lý tài nguyên nước tại ba xã miền núi Cam Chính - Cam Nghĩa - Cam Tuyền, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	Cam Lộ	03 hạng mục	2024-2026	75/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	37.296	7.479	5.000	0	2.200		
-	Cải tạo vỉa hè đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà	Đông Hà	5,04 km	2024-2025	76/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	126.500	16.500	16.500	0	16.500		





Biểu số 4

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2025  
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRỌNG CÂN ĐỐI DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ**

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số						Trong đó: NSDP
<b>TỔNG CỘNG</b>												
						1.401.974	449.910	428.541	161.217	217.058		
I	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>							20.000	6.580	13.420		
II	<b>QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH</b>							98.000	48.169	5.000		
III	<b>ĐẦU TƯ NGÀNH, LĨNH VỰC</b>					1.401.974	449.910	310.541	106.468	198.638		
1	<b>Quốc phòng</b>											
*	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>											
-	Chốt chiến đấu dân quân thường trực xã A Ngo, huyện Đakrông	Đakrông		2024-2025	192/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	9.500	9.500	9.500	2.600	6.900		
2	<b>An ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>											
*	<i>Dự án khởi công mới năm 2025</i>											
-	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1)	VL, GL, HL, CL, ĐK, HH	10 trụ sở	2024-2025	190/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	16.500	16.500	16.500		16.500		
-	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2)	VL, GL, HL, CL, ĐK, HH	15 trụ sở	2024-2025	46/NQ-HĐND ngày 11/7/2024	24.149	24.149	24.149		18.714		
3	<b>Văn hóa, thông tin</b>											
*	<i>Dự án hoàn thành đã hoàn thành</i>											
-	Chỉnh trang một số hạng mục thuộc công trình Di tích quốc gia đặc biệt Địa đạo Vịnh Mốc	Vĩnh Linh	Chỉnh trang	2024	111/QĐ-SXD ngày 14/6/2024 của Sở Xây dựng	1.102	1.102	1.205	0	1.205	Hoàn trả ứng trước ngân sách tỉnh	
-	Chỉnh trang một số hạng mục thuộc công trình Di tích quốc gia đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương – Bến Hải	Vĩnh Linh	Chỉnh trang	2024	108/QĐ-SXD ngày 14/6/2024 của Sở Xây dựng	1.179	1.179	1.203	0	1.203	Hoàn trả ứng trước ngân sách tỉnh	
-	Chỉnh trang các hạng mục thuộc công trình Di tích quốc gia đặc biệt Thành Cổ Quảng Trị	TX Quảng Trị	Chỉnh trang	2024	107/QĐ-SXD ngày 13/6/2024 của Sở Xây dựng	1.189	1.189	1.205	0	1.205	Hoàn trả ứng trước ngân sách tỉnh	
-	Chỉnh trang các hạng mục thuộc công trình Bảo tàng tỉnh Quảng Trị	Đông hà	Chỉnh trang	2024	110/QĐ-SXD ngày 14/6/2024 của Sở Xây dựng	1.218	1.218	1.239	0	1.239	Hoàn trả ứng trước ngân sách tỉnh	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số						Trong đó: NSDP
-	Chỉnh trang các hạng mục thuộc công trình Trung tâm Văn hóa Điện ảnh tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	Chỉnh trang	2024	106/QĐ-SXD ngày 13/6/2024 của Sở Xây dựng	1.196	1.196	1.196	0	1.196		Hoàn trả ứng trước ngân sách tỉnh
*	<b>Dự án hoàn thành năm 2025</b>											
-	Nhà văn hóa trung tâm thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	3.600 m2	22-25	1138/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của TXQT	44.460	30.000	30.000	20.600	9.400	X	+ Vốn NS T.xã
-	Đường vào khu di tích quốc gia Thành Tân Sở	Cam Lộ	5,66 km	23-25	3030/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của huyện CL	31.000	10.000	10.000	4.632	5.368		+ Vốn NS huyện
-	Đầu tư, tôn tạo di tích lịch sử lưu niệm danh nhân - Mộ Tiến sĩ Bùi Dục Tài	Hải Lăng	Tôn tạo	23-25	3190/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	9.000	4.500	4.500	2.000	2.500		
4	<b>Bảo vệ môi trường</b>											
*	<b>Dự án hoàn thành năm 2025</b>											
-	Nâng cấp, hoàn thiện bãi chôn lấp bãi rác thành phố Đông Hà	Đông Hà	2 hố chôn lấp; 9600m2	23-25	2700/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của TP Đông Hà	20.000	12.000	12.000	6.000	6.000		+ Vốn NS thành phố
5	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>											
*	<b>Dự án hoàn thành năm 2025</b>											
-	Hồ sinh thái đập dâng Khe Ruôi, thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông (giai đoạn 1)	Đakrông	tưới cho 5,58ha	23-25	603/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của huyện ĐK	31.000	20.000	20.000	5.000	15.000		+ Vốn NS huyện
-	Hỗ trợ 09 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đăng ký đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025											
+	Huyện Hướng Hóa							12.000	6.000	6.000		Các xã: Hướng Phùng, Hướng Tân, Thuận
+	Huyện Đakrông							8.000	2.000	6.000		Các xã: Ba Lòng, Mô Ó
6	<b>Giao thông</b>											
*	<b>Dự án hoàn thành năm 2025</b>											
-	Cầu sông Hiếu và đường hai đầu cầu	Đông Hà	5,9 km	2010-2023	426/QĐ-UBND ngày 8/3/2017; 1858/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	588.796	71.196	17.100	10.690	6.410	X	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số						Trong đó: NSDP
-	Hệ thống điện chiếu sáng khu vực nội thị thị trấn Gio Linh	Gio Linh	1.022m	24-25	4641/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện GL	4.850	3.000	3.000	1.500	1.500	+ Vốn NS huyện	
-	Khắc phục, sửa chữa đường An Thái - Bàn Chùa	Cam Lộ	6,63km	23-25	1256/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của huyện CL	30.000	10.000	10.000	7.500	2.500	+ Vốn NS huyện	
-	Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (đoạn từ nút giao đường Nguyễn Hoàng đến Nam cầu sông Hiếu)	Đông Hà	4,26km	23-25	1954/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	230.000	7.940	7.940	0	7.940	+SDD	
*	<b>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2025</b>											
-	Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu - giai đoạn 1	Đông Hà	910m	22-26	2956/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	175.000	125.000	1.780	0	1.780		
*	<b>Dự án khởi công mới năm 2025</b>											
-	Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1	Gio Linh	11,5km (GĐ1: 4,3km)	22-25	42/NQ-HĐND ngày 11/7/2024	89.689	49.040	49.040	0	49.040		
7	<b>Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới</b>											
*	<b>Dự án hoàn thành năm 2025</b>											
-	Xây dựng CSHT khu tái định cư Phường 3, thành phố Đông Hà (giai đoạn 2)	Đông Hà	2,7ha	23-25	2737/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Tp Đông Hà	28.000	25.000	25.000	11.500	13.500	+ Vốn NS thành phố	
-	Cải tạo cảnh quan Hồ Sắc Tứ, thị trấn Ái Tử	Triệu Phong	3,11 ha	23-25	3486/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện TP	25.000	10.000	10.000	4.500	5.500	+ Vốn NS huyện	
8	<b>Quản lý nhà nước</b>											
*	<b>Dự án hoàn thành năm 2025</b>											
-	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	Cải tạo	24-25	3191/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	6.200	6.200	6.200	5.000	1.200		
-	Cơ quan Đảng, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội huyện Hải Lăng	Hải Lăng	5 tầng	23-25	1045/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của huyện HL	32.945	10.000	10.000	4.500	5.500	+ Vốn NS huyện	
9	<b>Ngành, lĩnh vực khác</b>											









Biểu số 05

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH 2025**

**NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**

(Kèm theo Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Kế hoạch 2025	Trong đó		Ghi chú
			Cân đối theo tiêu chí	Thu sử dụng đất	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>469.312</b>	<b>77.312</b>	<b>392.000</b>	
1	Thành phố Đông Hà	161.335	6.335	155.000	
2	Thị xã Quảng Trị	15.413	5.413	10.000	
3	Huyện Vĩnh Linh	73.717	8.717	65.000	
4	Huyện Hướng Hóa	26.083	11.083	15.000	
5	Huyện Gio Linh	30.557	8.557	22.000	
6	Huyện Đakrông	14.478	9.478	5.000	
7	Huyện Cam Lộ	47.337	7.337	40.000	
8	Huyện Triệu Phong	33.515	8.515	25.000	
9	Huyện Hải Lăng	63.205	8.205	55.000	
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	3.672	3.672		





Biểu số 06

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2025  
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số	Trong đó: NSĐP					
	<b>TỔNG CỘNG</b>											
A	<b>CẤP TỈNH QUẢN LÝ</b>											
I	<b>NGUỒN THU TỪ ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT Ở</b>											
I.1	<b>Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất</b>									75.000		
I.2	<b>Bố trí các công trình phát triển quỹ đất</b>					1.210.956	1.210.956	865.365	396.928	235.000		
1	<b>Công cộng tại các đô thị</b>											
	<i>Các dự án hoàn thành năm 2025</i>											
-	Khu đô thị Tân Vĩnh	Đông Hà	18,19ha	2022-2025	4640/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	60.800	60.800	60.200	43.500	16.700		
-	Lát vỉa hè các tuyến đường còn lại khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1	Đông Hà	21 tuyến	2023-2025	1311/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	23.612	23.612	23.612	15.700	4.600		Dự kiến điều chỉnh KH21-25 còn 20,3 tỷ
-	Xây dựng chỉnh trang, hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 2	Đông Hà	19 tuyến	2023-2025	1605/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	38.692	38.692	38.692	22.000	9.500		Dự kiến điều chỉnh KH21-25 còn 31,5 tỷ
-	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Khu đô thị Thương mại - Dịch vụ Nam Đông Hà	Đông Hà	14,1ha	2021-2022	472/QĐ-UBND ngày 01/3/2021	18.948	18.948	8.783	8.734	39	X	chi phí quyết toán
-	Khu đô thị phía Đông đường Thành Cổ	Đông Hà	5,43ha	2017-2022	2784/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 369/QĐ-UBND ngày 25/2/2019	56.078	56.078	2.000	1.601	135	X	chi phí quyết toán



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số	Trong đó: NSDP					
-	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	10 ha	2021-2022	2307/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	22.270	22.270	22.000	18.991	85	X	chi phí quyết toán
-	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</b>											
-	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	Đông Hà	41,6ha	2020-2025	2985/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	443.876	443.876	385.000	257.502	127.000		
-	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	Đông Hà	61,99ha	2023-2026	34/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	546.680	546.680	324.538	28.902	76.896		Dự kiến điều chỉnh KH21-25 còn 105,798 tỷ
2	<b>Quy hoạch</b>											
	<b>Các dự án hoàn thành năm 2025</b>											
-	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cơ sở hạ tầng khu dân cư Thương Nghĩa, phường Đông Giang, thành phố Đông Hà (khu tái định cư)							540	0	45		
1.3	<b>Bố trí cho các công trình phát triển kinh tế xã hội khác</b>					4.037.011	517.340	448.437	222.193	190.000		
1	<b>Công trình giao thông</b>											
	<b>Dự án hoàn thành năm 2025</b>											
-	Đường Trường Chinh, thành phố Đông Hà (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Hùng Vương)	Đông Hà	5ha	2019-2022	2335/QĐ-UBND ngày 04/9/2019	14.893	14.893	7.329	5.917	250		chi phí quyết toán
-	Đường Trần Bình Trọng đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến Quốc lộ 9	Đông Hà	0,7km	2020-2023	2323/QĐ-UBND ngày 18/8/2020; 2940/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	63.100	63.100	44.122	39.352	258		chi phí quyết toán
-	Dự án Đường tránh phía Đông TP Đông Hà tỉnh Quảng Trị (đoạn từ nút giao đường Nguyễn Hoàng đến Nam cầu sông Hiếu)	Đông Hà	4,26km	2023-2026	1954/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	230.000	10.700	10.700	0	10.700		



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số						Trong đó: NSDP
-	Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đông, TX Quảng Trị	TP, QT	7,498,35 m	2018-2024	2514/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 2639/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	80.000	50.000	45.000	9.096	35.900	X	
-	Via hè và hệ thống thoát nước đường Lê Lợi, TP Đông Hà	Đông Hà	1730m	2022-2024	796/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của TP Đông Hà	19.000	16.000	16.000	5.000	11.000		
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	ĐH, HH	02 đô thị	13-23	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 1073/QĐ-UBND ngày 13/5/2019	2.446.067	100.447	100.447	88.073	1.700	X	Quyết toán hoàn thành dự án
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	1460m	2023-2025	4056/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của huyện VL	15.000	12.000	12.000	3.000	9.000		
-	Hệ thống thoát nước khu vực trường THCS Phan Đình Phùng và khu phố 2 phường 5	Đông Hà	1,5 km	2022-2024	1138/QĐ-UBND ngày 01/6/2022	56.200	20.000	20.000	3.000	17.000		
-	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị	TP,HL,G L,VL CL,ĐK, HH	03 hợp phần	2018-2025	1134/ QĐ-UBND ngày 25/05/2018 1913/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 2579/QĐ-UBND gày 06/11/2023	998.151	119.600	50.000	0	48.901	X	
	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</b>											
-	Đường Trần Quang Khải nối dài (đoạn từ đường Hàn Mặc Tử đến đường Lê Thánh Tông)	Đông Hà	360 m	2022-2024	304/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của TP Đông Hà	20.000	16.000	16.000	2.000	9.000		Dự kiến giãn tiến độ bố trí vốn qua KH26-30 (5 tỷ) do KH21-25 hụt thu



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năm lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số	Trong đó: NSDP					
-	Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông	Đakrông	1.500m	2022-2024	3866/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	20.000	20.000	20.000	9.520	3.480		Dự kiến giãn tiến độ bố trí vốn qua KH26-30 (7 tỷ) do KH21-25 hụt thu
<b>2</b>	<b>Bảo vệ môi trường</b>											
	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>											
-	Mô hình điểm trung chuyển rác, xử lý rác tại các xã thuộc địa bàn huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh, Triệu Phong	HL, TP, VL	20.400 m2	2022-2024	128/NQ-HĐND 30/8/2021 845/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	14.600	14.600	14.600	8.550	2.958		Dự kiến điều chỉnh KH21-25 còn: 11,51 tỷ
<b>3</b>	<b>Cấp nước, thoát nước</b>											
	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>											
-	Hệ thống cấp nước tập trung vùng nông thôn	HH, ĐK, CL, HL	5.343 hộ dân	2022-2024	4100/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	60.000	60.000	27.239	9.996	17.243	X	
<b>4</b>	<b>Ngành, lĩnh vực khác</b>											
	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>											
-	Hỗ trợ ưu đãi đầu tư							5.000	2.000	1.000		Dự kiến điều chỉnh KH21-25 còn: 03 tỷ
-	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã							20.000	7.690	10.610		Dự kiến điều chỉnh KH21-25 còn: 18.300 trđ
<b>5</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>											
	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>											
-	Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025											
+	Hỗ trợ huyện Vĩnh Linh đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							10.000	7.000	3.000		



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số						Trong đó: NSĐP
+	Hỗ trợ huyện Gio Linh đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025						10.000	8.000	2.000			
+	Hỗ trợ huyện Triệu Phong đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025						10.000	7.000	3.000			
+	Hỗ trợ huyện Hải Lăng đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025						10.000	7.000	3.000			
<b>II</b>	<b>NGUỒN THU TỪ ĐẤU GIÁ, ĐẤU THẦU CÁC KHU ĐẤT CHO NHÀ ĐẦU TƯ SỬ DỤNG</b>						<b>3.628.631</b>	<b>877.564</b>	<b>423.536</b>	<b>67.846</b>	<b>245.000</b>	
II.1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất									<b>36.750</b>		
II.2	Các dự án phát triển KTXH						<b>3.628.631</b>	<b>877.564</b>	<b>423.536</b>	<b>67.846</b>	<b>208.250</b>	
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản <i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>											
-	Khen thưởng huyện Cam Lộ đạt chuẩn nông thôn mới						5.500	4.500	1.000			
2	Hỗ trợ doanh nghiệp <i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>											
-	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn						15.000	4.000	1.000		Dự kiến giảm KH21-25: 10 tỷ	
3	Công trình giao thông <i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>											
-	Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	0,36 ha	2022-2025	1417/QĐ-UBND ngày 25/5/2022; 968/QĐ-UBND 23/4/2024		26.800	21.800	21.800	1.297	20.503	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số						Trong đó: NSDP
-	Tuyến đường kết nối từ công phụ Trung tâm hành hương đức mẹ La Vang đến cụm công nghiệp Hải Lệ và bãi đỗ xe số 01 theo quy hoạch đô thị La Vang	Hải Lăng		2024-2025	3197/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	35.800	35.800	35.800	4.650	31.150	Bao gồm hoàn trả tạm ứng NS tỉnh	
-	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Liên - Thuận (ĐH.86), đoạn qua xã Tân Liên	Hướng Hóa	3,665km	2023-2025	2178/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND tỉnh	30.000	12.000	12.000	61	4.000		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</i>											
-	Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - giai đoạn 1	VL, TP, GL, ĐH	55,7 km	2021-2025	4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.060.000	416.338	100.480	30.000	9.135	Dự kiến điều chỉnh KH21-25 còn 39,135 tỷ; ứng Quỹ PTĐ 61,345 tỷ	
	<i>Dự án khởi công mới</i>											
-	Đường dân sinh kết nối Khu phố 3 và Khu phố 4, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà	ĐH	200m	2024-2025	254/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 của HĐND TP ĐH	16.000	15.000	15.000	0	15.000	+ NS thành phố Đông Hà	
<b>4</b>	<b>Công trình giáo dục</b>											
	<i>Dự án khởi công mới</i>											
-	Trường Mầm non Gio Hải (cơ sở 2)	Gio Hải	Công trình giáo dục cấp III	2024-2025	130/NQ-HĐND ngày 19/12/2023	25.660	25.660	25.660	0	13.000		
-	Trường Tiểu học và THCS Gio Hải (cơ sở 2)	Gio Hải	Công trình giáo dục cấp III	2024-2025	131/NQ-HĐND ngày 19/12/2023	64.037	64.037	64.037	0	29.000		
<b>5</b>	<b>Khu công nghiệp và khu kinh tế</b>											



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số						Trong đó: NSĐP
	<b>Dự án hoàn thành năm 2025</b>											
-	San nền và HTKT thiết yếu tại khu vực TTCK quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2)	Đakrông	Bãi xuất 2,45 ha; bãi nhập 0,67 ha;	2022-2025	1349/QĐ-UBND ngày 31/5/2021; 2391/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	163.000	64.000	35.000	0	20.000		
6	<b>Quản lý nhà nước</b>											
	<b>Dự án khởi công mới năm 2025</b>											
-	Trụ sở làm việc xã Xy	Hướng Hóa	02 tầng	23-25	4216/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của huyện HH	5.386	4.847	4.847		4.847		+ Vốn NS huyện Bao gồm hoàn trả ứng trước NS tỉnh
-	Trụ sở UBND xã Hướng Linh	Hướng Hóa	02 tầng	23-25	4212/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của huyện HH	4.936	4.442	4.442		3.983,5		+ Vốn NS huyện
-	Trụ sở UBND xã Tà Long	Đakrông	02 tầng	23-25	2898/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện ĐK	5.386	4.847	4.847		4.847		+ Vốn NS huyện
-	Trụ sở UBND xã Triệu Long	Triệu Phong	02 tầng	23-25	3141/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện TP	5.736	3.455	3.455		3.455		+ Vốn NS huyện
-	Trụ sở làm việc HĐND&UBND xã Gio Sơn; Hạng mục: nhà làm việc	Gio Linh	02 tầng	23-25	4640/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện GL	5.242	2.621	2.621		2.621		+ Vốn NS huyện
-	Trụ sở UBND xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: nhà làm việc 2 tầng	Vĩnh Linh	02 tầng	23-25	574/NQ-HĐND ngày 20/11/2024 của huyện VL	4.728	3.266,5	3.266,5		3.266,5		+ Vốn NS huyện
7	<b>Công cộng tại các đô thị</b>											
	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</b>											



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số	Trong đó: NSDP					
-	Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà	Đông Hà	xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị	2024-2027	2469/QĐ-UBND ngày 27/10/2023; 2630/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	1.152.920	192.230	42.000	0	37.000		+NSCD
<b>8</b>	<b>Thể dục thể thao</b>											
	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>											
-	Nhà ở vận động viên năng khiếu tỉnh	Đông Hà	2.000m2	22-25	3834/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	23.000	7.220	15.780	13.666	2.114	X	
<b>9</b>	<b>Ngành, lĩnh vực khác</b>											
	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>											
-	Chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại							12.000	9.672	2.328		Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết
<b>III</b>	<b>NGUỒN THU ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KKT THƯƠNG MẠI ĐẶC BIỆT LAO BẢO</b>					<b>418.000</b>	<b>97.360</b>	<b>75.320</b>	<b>21.760</b>	<b>63.000</b>		
<b>III.1</b>	<b>Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất</b>									<b>9.450</b>		
<b>III.2</b>	<b>Các công trình phát triển quỹ đất và phát triển KTXH khác</b>					<b>418.000</b>	<b>97.360</b>	<b>75.320</b>	<b>21.760</b>	<b>53.550</b>		
<b>1</b>	<b>Giao thông</b>											
	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>											
-	Đường tránh phía Đông TP Đông Hà tỉnh Quảng Trị (đoạn từ nút giao đường Nguyễn Hoàng đến Nam cầu sông Hiếu)	Đông Hà	4,26km	2023-2025	1954/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	230.000	8.360	8.360	0	8.360		
<b>2</b>	<b>Khu công nghiệp, KKT</b>											
	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>											
-	Tuyến RD-01 và RD-04 Khu công nghiệp Quán Ngang	Gio Linh	1.215m	2023-2025	3183/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	25.000	25.000	25.000	14.260	10.740		
-	Nhiệm vụ quy hoạch (do BQL KKT thực hiện)							12.960	0	12.950		Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết





Biểu số 7

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2025  
NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT**

(Kèm theo Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bổ trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số	Trong đó: NSĐP				
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>224.196</b>	<b>189.696</b>	<b>117.210</b>	<b>59.210</b>	<b>58.000</b>	
<b>I</b>	<b>GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>					<b>112.296</b>	<b>110.196</b>	<b>8.620</b>	<b>5.000</b>	<b>3.620</b>	
*	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>										
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Cam Lộ	Cam Lộ	Xây mới	23-25	2707/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của huyện CL	7.400	5.300	5.300	5.000	300	+ Vốn NS huyện
-	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các cơ sở trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	Toàn tỉnh	8 NĐN, 24 PTH, 3 NHB, 16 phòng TEKT, 1 TV	22-25	3835, 3836, 3837/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	104.896	104.896	3.320	0	3.320	+ Vốn NSĐP
<b>II</b>	<b>Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>					<b>94.200</b>	<b>74.500</b>	<b>69.330</b>	<b>31.710</b>	<b>37.620</b>	
*	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>										
-	Trạm y tế xã Vĩnh Khê, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: xây mới nhà 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	420 m2	23-25	4071/QĐ-UBND 22/11/2022 của huyện VL	4.200	4.000	4.000	3.500	500	+ Vốn NS huyện
-	Nâng cấp các trạm y tế xã trên địa bàn huyện Hải Lăng (xã Hải Chánh, Hải Trường, Hải Quy, Hải Quế, Hải Định)	Hải Lăng	2384 m2	23-25	405/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của huyện HL	6.500	6.000	6.000	4.000	2.000	+ Vốn NS huyện
-	Đầu tư, nâng cấp các trạm y tế trên địa bàn TP Đông Hà (Phường 2, Phường 4, Phường Đông Giang, Phường Đông Thanh)	Đông Hà	900 m2	23-25	2606/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của TP Đ.Hà	9.000	8.000	6.700	5.000	1.700	+ Vốn NS Tp



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bổ trí đến 2024	Kế hoạch 2025	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSĐP
*	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</i>										
-	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	Toàn tỉnh	6140 m2 + cải tạo, sửa chữa	22-26	3841/QĐ-UBND 29/11/2021	74.500	56.500	52.630	19.210	33.420	
<b>III</b>	<b>CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, PHÚC LỢI XÃ HỘI</b>					<b>17.700</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	<b>1.500</b>	<b>3.500</b>	
*	<i>Dự án hoàn thành năm 2025</i>										
-	Sân thể dục thể thao và các hạng mục phụ trợ, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	Sân nền: 290.230m2; giao thông 187m, hệ thống thoát nước 670m và hạng mục khác	23-25	1404/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của huyện HL	17.700	5.000	5.000	1.500	3.500	+ Vốn NS huyện
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới</b>						<b>34.260</b>	<b>21.000</b>	<b>13.260</b>		
-	Huyện Hải Lăng	Hải Lăng					10.020	7.000	3.020		
-	Huyện Triệu Phong	Triệu Phong					10.020	7.000	3.020		
-	Huyện Gio Linh	Gio Linh					14.220	7.000	7.220		